

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1722 /QĐ-UBND

Vĩnh Cửu ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn huyện (đợt 1).

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 của Hội đồng nhân dân huyện về bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn huyện (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 74 /TTr.TC-KH ngày 05/05/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn huyện (đợt 1).

(Các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *luu*

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy, TTHĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MTTQVN + các đoàn thể ở huyện;
- Chánh, Phó VP HĐND & UBND huyện *luu*
- UBND các xã, TT. Vĩnh An;
- Phòng TC-KH;
- Phòng VHHT (TTĐT);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



luu
Nguyễn Quang Phương

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	570.000.000
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	0
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	570.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	570.000.000
III	Thu kết dư	0
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Dự phòng ngân sách	0
VI	Nguồn tại đơn vị 40%	
VII	Nguồn tại các xã thị trấn Vĩnh An	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.000.000
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	570.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	570.000.000
3	Dự phòng ngân sách	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
I	Nguồn thu ngân sách	570.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	570.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	570.000.000
3	Thu kết dư	0
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển	
5	Dự phòng ngân sách	0
6	Nguồn tại đơn vị 40%	
7	Nguồn NTCS	
II	Chi ngân sách	570.000.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp	
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	570.000.000
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	570.000.000
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	570.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	570.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	570.000.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	570.000.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (ĐỢT 1)
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Thu nội địa		
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
5	Thuế thu nhập cá nhân		
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ		
8	Thu phí, lệ phí		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 (ĐỢT 1)
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.000.000	0	570.000.000
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.000.000	0	570.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	0	0
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0	0	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến	0		
	Chi đầu tư từ nguồn thu TNN	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	570.000.000	0	570.000.000
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
III	Dự phòng ngân sách	0		
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.000.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	570.000.000
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	0
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	0
II	Chi thường xuyên	0
	<i>Trong đó:</i>	<i>0</i>
1,1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1,2	Chi khoa học và công nghệ	
1,3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1,4	Chi văn hóa thông tin	
1,5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1,6	Chi thể dục thể thao	
1,7	Chi bảo vệ môi trường	0
1,8	Chi các hoạt động kinh tế	
1,9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1,1	Chi bảo đảm xã hội	0
1,11	Chi An Ninh - Quốc Phòng	0
1,12	Chi khác	0
III	Dự phòng ngân sách	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

Biểu số 86/CK-NSNN

ĐƯƠI TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025 (ĐỢT 1)
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYẾN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	570.000.000	0	570.000.000	0	0	0	0	0	0
I	Khối QLNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	HDND - UBND Huyện	0	0	0			0			
2	Phòng Văn Hoá & Thông tin	0	0				0			
3	Phòng Nông nghiệp & PTNT	0	0				0			
4	Phòng Tư Pháp	0	0				0			
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0	0				0			
6	Phòng Tài Chính - KH	0	0				0			
7	Phòng Giáo Dục và đào tạo	0	0				0			
8	Phòng Tài Nguyên - Môi Trường	0	0				0			
9	Phòng Nội Vụ	0	0				0			
10	Phòng Lao động TB&XH	0	0				0			
11	Thanh Tra Huyện	0	0				0			
12	Phòng Dân Tộc	0	0				0			
13	Phòng Y Tế	0	0				0			
II	Khối đoàn thể	0	0	0			0			0
	- Chi Đoàn thể	0	0	0			0			0
1	Huyện Đoàn	0	0				0			
2	Mặt Trận Tổ Quốc	0					0			
3	Hội Nông Dân	0					0			
4	Hội Phụ Nữ	0					0			
5	Hội Cựu Chiến Binh	0					0			
	- Các Hội Đặc thù	0	0	0			0			0
6	Hội Chữ Thập Đỏ	0					0			
7	Hội người cao tuổi	0					0			
8	Hội người mù	0					0			
9	Hội nạn nhân chất độc da cam	0					0			
10	Hội Khuyến học	0					0			
11	Hội chiến sỹ cách Mạng bị địch bắt tù Đây	0					0			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Đảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Văn phòng huyện Ủy	0	0							
III	Khối Sự nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sự nghiệp giáo dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	a./ Cấp Mầm non	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	MN Bình Hòa	0	0		0	0	0	0	0	0
2	MN Tân Bình	0					0			
3	MN Bình Lợi	0					0			
4	MN Thanh Phú	0					0			
5	MN Hòa Mĩ	0					0			
6	MN Thiện Tân	0					0			
7	MN Tân An	0					0			
8	MN Trị An	0					0			
9	MN Hiếu Liêm	0					0			
10	MN Mã Đà	0					0			
11	MN Phú Lý	0					0			
12	MN Vĩnh Tân	0					0			
13	MN Sơn Ca	0					0			
14	MN Phong Lan	0					0			
	b./ Cấp Tiểu Học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	TH Bình Hòa	0	0							
16	TH Tân Triều	0								
17	TH Bình Lợi	0								
18	TH Thanh Phú	0								
19	TH Tân Phú	0								
20	TH Chu Văn An	0								
21	TH Thiện Tân	0								
22	TH Tân An	0								
24	TH Hiếu Liêm	0								
25	TH Phú Lý	0								
26	TH Bàu Phụng	0								
27	TH Cây gáo B	0								
28	TH Cây gáo A	0								
29	TH Kim Đồng	0								
30	TH Vĩnh Tân	0								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THUỒNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THUỒNG G XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
31	TH Sông Mây	0								
	c./ Cấp THCS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	THCS Võ Tr Toàn	0	0							
33	THCS Thanh Phú	0								
34	THCS Thiện Tân	0								
35	THCS Tân An	0								
36	THCS Nguyễn Du	0								
37	THCS Hiếu Liêm	0								
38	THCS Lê Quý Đôn	0								
39	THCS Vĩnh An	0								
40	THCS Vĩnh Tân	0								
41	THCS Mã Đà	0								
V	Sự nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Trung tâm dạy nghề GDNN-GDTX	0	0							
43	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0								
44	TTVHTTTT	0								
45	TTDVNN	0								
46	An Ninh	0								
47	Quốc Phòng	0								
VI	Chi khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Trường THPT Trị An	0					0			
	Trường THCS-THPT Huỳnh Văn									
49	Nghệ	0					0			
50	Trường THPT Vĩnh Cửu	0					0			
51	Trung tâm y tế huyện	0					0			
52	Ngân sách huyện	0					0			
VI	Khối xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Bình Hoà	0								
54	Tân Bình	0								
55	Thanh Phú	0								
56	Bình Lợi	0								
57	Thiện Tân	0								
58	Tân An	0								
59	Trị An	0								
60	Hiếu Liêm	0								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH
		1	2	3	4	5	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	9
A	B						6	7	8	
61	Mã Đà	0		0						
62	Phú Lý	0		0						
63	Vĩnh Tân	0		0						
64	TT Vĩnh An	0		0						
VII	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	0		0			0			
VIII	HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH	0		0			0			
IX	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	570.000.000		570.000.000			0			
X	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0		0			0			

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU

Biểu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 (BỘT 1)
(The total đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG,			CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
			CHI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	12	13	14	15		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Khối QLNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	HEND - UBND Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Phòng Văn Hoá & Thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Phòng Nông nghiệp & PTNT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Phòng Tư Pháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Phòng Tài Chính - KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Phòng Giáo Dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Phòng Tà Nguyên - Môi Trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Phòng Nội Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Phòng Lao động TB&XH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Thanh Tra Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Phòng Dân Tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Phòng Y Tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Khối đoàn thể	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Chi Đoàn thể	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Huyện Đoàn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Mặt Trận Tổ Quốc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Hội Nông Dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Hội Phụ Nữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Hội Cựu Chiến Binh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Các Hội Đặc thù	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Hội Chữ Thập Đỏ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Hội người cao tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Hội người mù	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Hội nạn nhân chất độc da cam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Hội Khuyến học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Ban liên lạc tu chính trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VI	Khối Sư nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Sư nghiệp giáo dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
a/ Cấp Mầm non		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	a 1 MN Bình Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	a 2 MN Bình Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	a 3 MN Cây Gáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	a 4 MN Hiếu Liêm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	a 5 MN Hoa Mĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	a 6 MN Mỹ Đa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	a 7 MN Phong Lan	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	a 8 MN Phú Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	a 9 MN Tân An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	a 10 MN Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	a 11 MN Thanh Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	a 12 MN Thiên Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	a 13 MN Trí An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	a 14 MN Vĩnh Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	b/ Cấp Tiểu Học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	b 1 TH Bình Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	b 2 TH Bàu Phụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	b 3 TH Bình Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	b 4 TH Cây Gáo A	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
19	b 5 TH Cây Gáo B	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	b 6 TH Hiếu Liêm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	b 7 TH Kim Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	b 8 TH Phú Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	b 9 TH Sông Mây	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
24	b 10 TH Tân An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	b 11 TH Tân Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
26	b 12 TH Tân Triều	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
27	b 13 TH Thanh phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Đơn vị, đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, THUY SẢN ĐANG,	AN-QP	CHI BẢO ĐAM XÃ HỘI	CHI KHÁC
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
28	b 14 TH Thiện Tân	0														
29	b 15 TH Trí An	0														
30	b 16 TH Vĩnh Tân	0														
31	b 17 TH Chu văn An	0														
	c/ Cấp THCS	0														
32	c 1 THCS Hiếu Liêm	0														
33	c 2 THCS Lê Quý Đôn	0														
34	c 3 THCS Mã Đà	0														
35	c 4 THCS Nguyễn Du	0														
36	c 5 THCS Tân An	0														
37	c 6 THCS Thanh Phú	0														
38	c 7 THCS Thiện Tân	0														
39	c 8 THCS Vĩnh An	0														
40	c 9 THCS Vĩnh Tân	0														
41	c 10 THCS Võ Trường Toản	0														
	V Sư nghiệp	0														
42	Trung tâm dạy nghề GDNN-GD	0														
43	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0														
44	TTVHTTTT	0														
45	Ban quản lý thủy lợi	0														
46	An Ninh	0														
47	Quốc Phòng	0														
	VI Chi khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Trường THPT Trí An	0														
	Trường THCS-THPT Huỳnh Văn Nghệ	0														
49	Văn Nghệ	0														
50	Trường THPT Vĩnh Cửu	0														
51	Toà An	0														
52	Ngân sách huyện	0														
	VII Khẩn cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Bình Hoà	0														
54	Tân Bình	0														
55	Thanh Phú	0														
56	Bình Lợi	0														
57	Thiện Tân	0														
58	Tân An	0														
59	Trị An	0														
60	Hiếu Liêm	0														
61	Mã Đà	0														
62	Phú Lý	0														
63	Vĩnh Tân	0														
64	TT Vĩnh An	0														

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 (BỘT 1)
(The total đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	AN-QP	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT TRIỂN, TRUYỀN HÌNH, THƯƠNG TÂN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ						
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	11				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	TỔNG SỐ	570.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	570.000.000	0	
1	Khởi QLNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	HDND -UBND Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Phòng Văn Hóa & Thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Phòng Nông nghiệp & PTNT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Phòng Tư Pháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Phòng Tài Chính- KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Phòng Giáo Dục và đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Phòng Tài Nguyên - Môi Trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Phòng Nội Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Phòng Lao động TB&XH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Thanh Tra Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Phòng Y Tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Khởi đoàn thể	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	- Chi Đoàn thể	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Huyện Đoàn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Mặt Trận Tổ Quốc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Hội Nông Dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Hội Phụ Nữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Hội Cựu Chiến Binh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	- Các Hội Đặc thù	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Hội Chữ Thập Đỏ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Hội người cao tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Hội người mù	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Hội nạn nhân chất độc da cam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Hội Khuyến học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Hội chiến sỹ cách Mạng bị địch bắt tù Đầy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Đảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Văn phòng huyện Ủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khởi Sự nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Sự nghiệp giáo dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	a/ Cấp Mãn non	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	MN Bình Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	MN Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	MN Bình Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	MN Thanh Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	MN Hoa Mĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	MN Thiện Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	MN Tân An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	MN Trí An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	MN Hiếu Liêm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	MN Mã Đà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	MN Phú Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	MN Vĩnh Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	MN Sơn Ca	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	MN Phong Lan	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	b/ Cấp Tiểu Học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	TH Bình Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	TH Tân Triều	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	TH Bình Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
19	TH Thanh Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	TH Tân Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	TH Chu Văn An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	TH Thiện Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	TH Tân An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
24	TH Hiếu Liêm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	TH Phú Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	AN-QP	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
25	TH Bàu Phụng	0														
26	TH Cây gạo B	0														
27	TH Cây gạo A	0														
28	TH Kim Đồng	0														
29	TH Vĩnh Tân	0														
30	TH Sông Mây	0														
31	6/ Cấp THCS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	THCS Võ Tr Toàn	0														
33	THCS Thanh Phú	0														
34	THCS Thiên Tân	0														
35	THCS Tân An	0														
36	TH-THCS Tr An	0														
37	THCS Hiếu Liêm	0														
38	THCS Lê Quý Đôn	0														
39	THCS Vĩnh An	0														
40	THCS Vĩnh An	0														
41	THCS Vĩnh Tân	0														
42	THCS Mã Đa	0														
43	V Sự nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Trung tâm dạy nghề GDNN-GDTX	0														
45	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0														
46	TTVHTTTT	0														
47	TTDVNN	0														
48	An Ninh	0														
49	Quê Phong	0														
50	Chi khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Trường THPT Tr An	0														
52	Trường THCS-THPT Huỳnh Văn Nghệ	0														
53	Trường THPT Vĩnh Cửu	0														
54	Trung tâm v tế huyện	0														
55	Ngân sách huyện	0														
56	V1 Khối xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Bình Hoà	0														
58	Tân Bình	0														
59	Thanh Phú	0														
60	Bình Lợi	0														
61	Thiên Tân	0														
62	Tân An	0														
63	Tr An	0														
64	Hiếu Liêm	0														
65	Mã Đa	0														
66	Phú Lý	0														
67	Vĩnh Tân	0														
68	TT Vĩnh An	0														
69	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	0					0									
70	HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH	0					0									
71	CHI BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU	570.000.000													570.000.000	
72	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM X SAU	0														

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025 (ĐỢT 1)
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã đã được hưởng theo			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Chia ra Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	570.000.000	0	0	0	570.000.000	0	0	570.000.000
1	UBND xã Tân Bình	0	0						
2	UBND xã Thạnh Phú	0	0						
3	UBND xã Bình Lợi	0	0						
4	UBND xã Thiện Tân	0	0						
5	UBND xã Tân An	30.000.000	0			30.000.000			30.000.000
6	UBND xã Trị An	90.000.000	0			90.000.000			90.000.000
7	UBND xã Mã Đà	0	0						
8	UBND xã Phú Lý	450.000.000	0			450.000.000			450.000.000
9	UBND xã Vĩnh Tân	0	0						
10	UBND TT Vĩnh An	0	0						

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

Biểu số 90/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ
NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	570.000.000	0	570.000.000	0
1	UBND xã Tân Bình	0			
2	UBND xã Thanh Phú	0			
3	UBND xã Bình Lợi	0			
4	UBND xã Thiện Tân	0			
5	UBND xã Tân An	30.000.000	0	30.000.000	
6	UBND xã Trị An	90.000.000		90.000.000	
7	UBND xã Mã Đà	0			
8	UBND xã Phú Lý	450.000.000		450.000.000	
9	UBND xã Vĩnh Tân	0			
10	UBND TT Vĩnh An	0			

Đơn vị: đồng

Đơn vị: đồng

[illegible]

Đơn vị: đồng

[illegible]